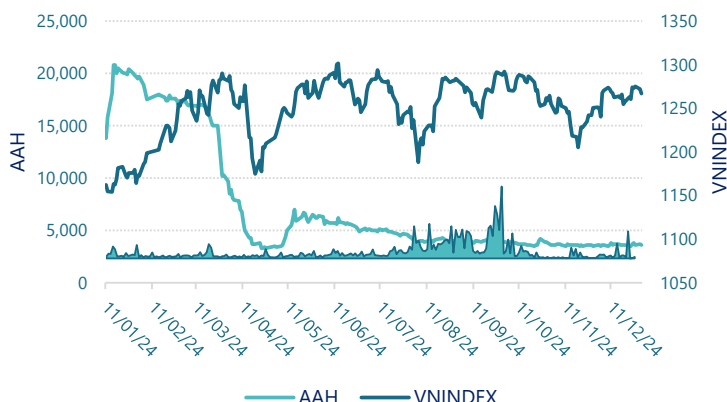


CTCP Hợp Nhất (UPCOM: AAH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	3,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,368,120
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	424
P/E	23.8
EPS	151

DT thuần

Q4/24

447

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 115 | 34.7%

YoY: ▲ 349 | 358%

LN sau thuế

Q4/24

6.30

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.18 | 23.0%

YoY: ▲ 6.03 | 2232%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.4%

+/- YoY: ▼ 14.7%

DT thuần

2024

1,172

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 940 | 404%

LN sau thuế

2024

17.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.20 | 53.3%

ROE

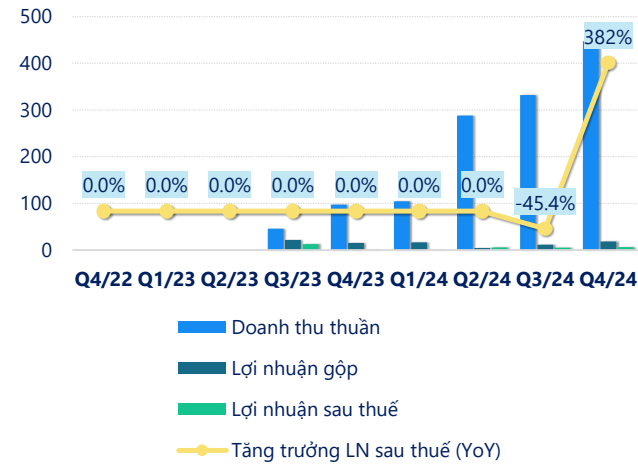
2024

1.5%

+/- YoY: ▲ 0.5%

tỷ VNĐ

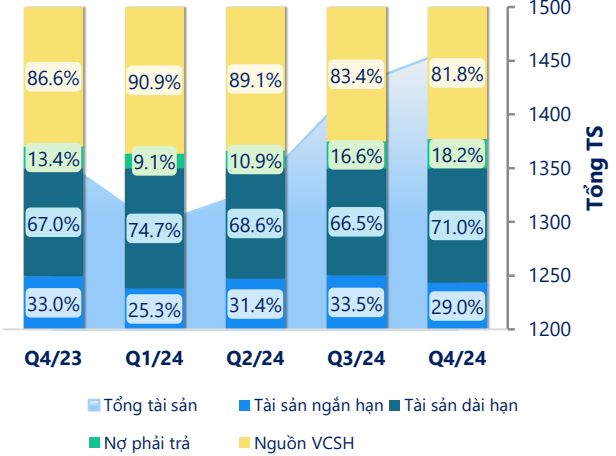
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

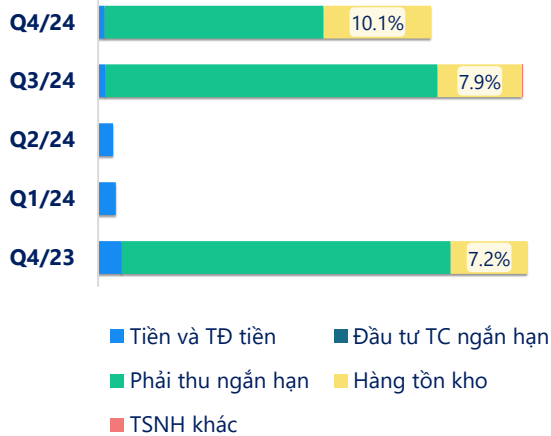
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



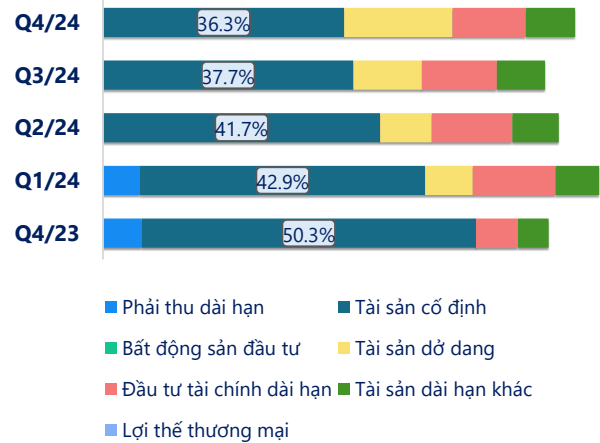
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

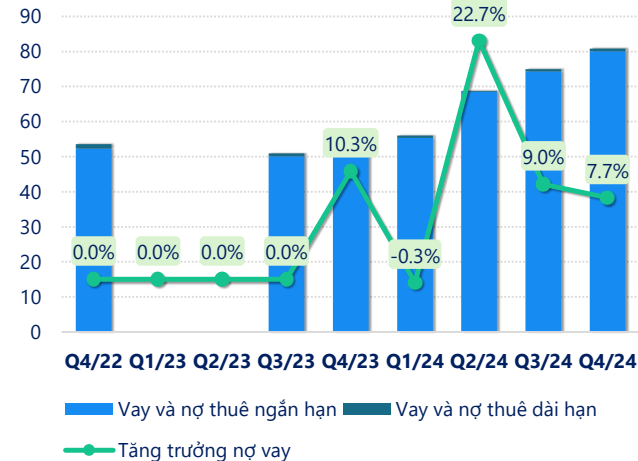
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

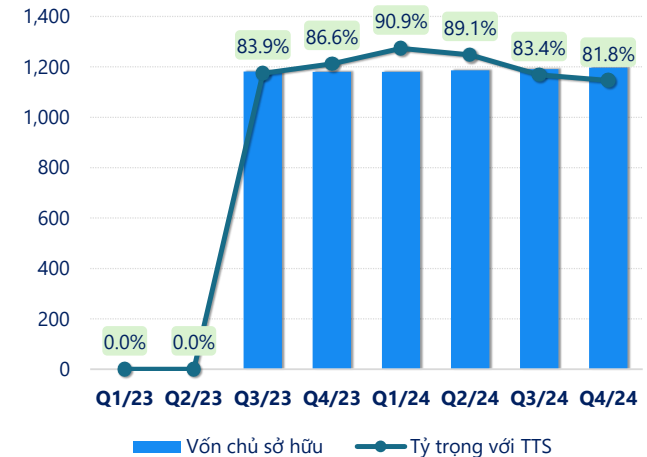
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

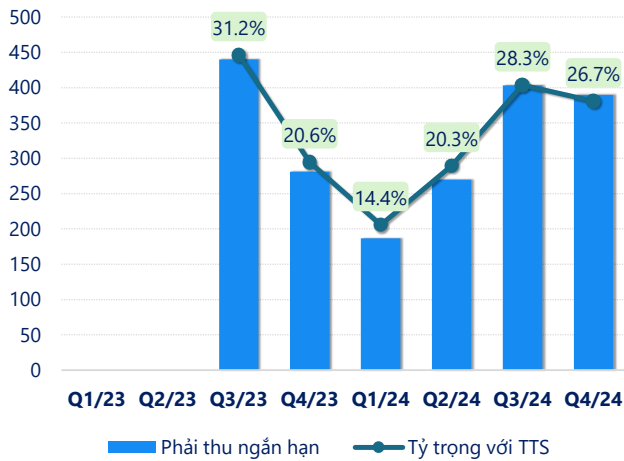
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



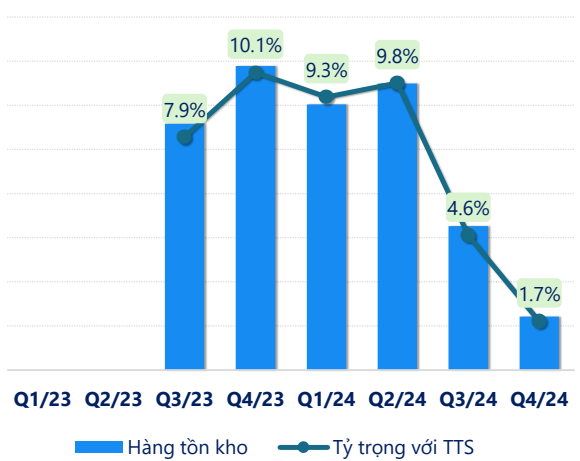
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


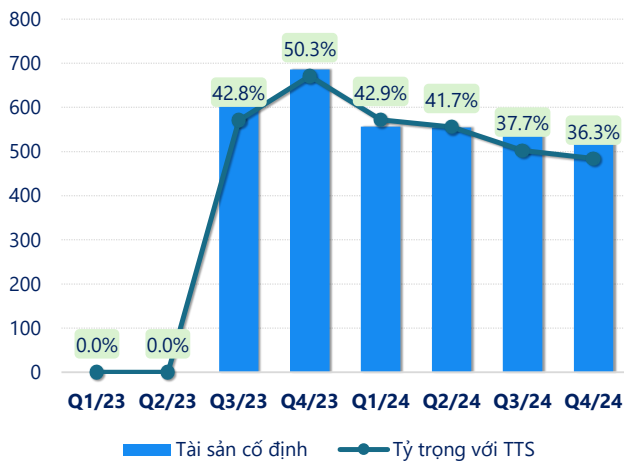
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


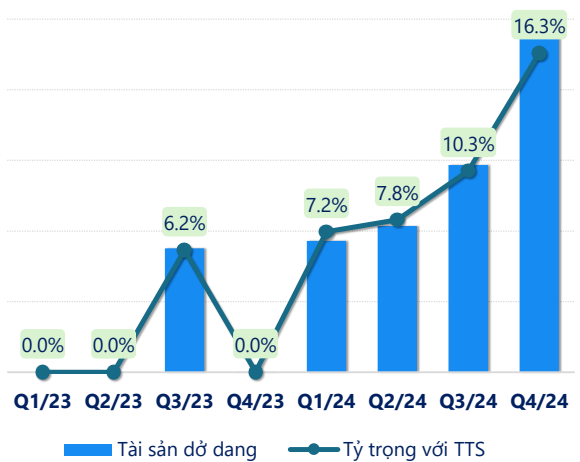
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

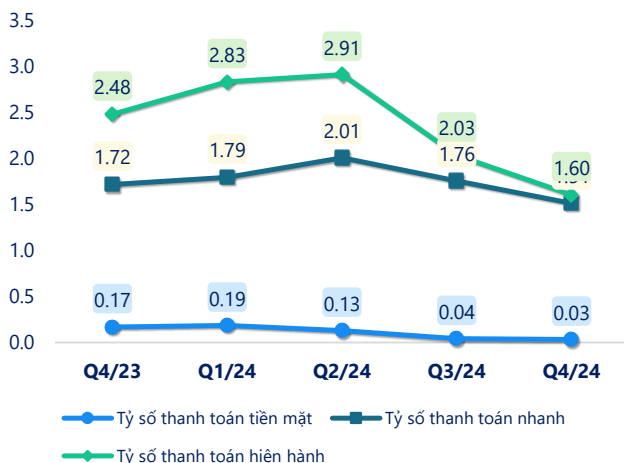
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

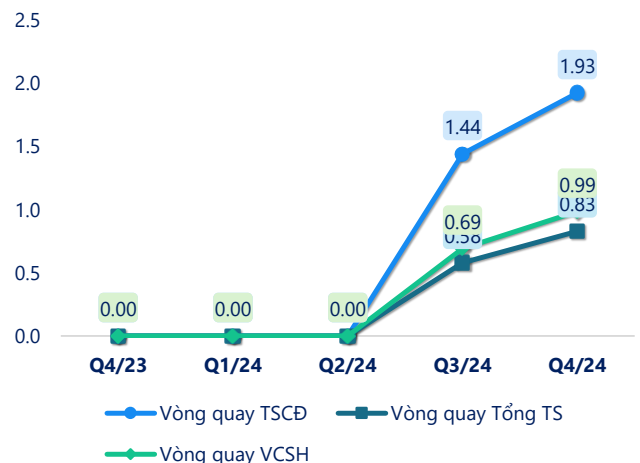
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,363	1,297	1,330	1,427	1,463
Tài sản ngắn hạn	449	329	418	478	424
Tiền và tương đương tiền	30.5	21.5	18.6	9.68	8.74
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	281	187	269	403	390
Hàng tồn kho	138	120	130	65.3	24.2
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0.16	0	1.01
Tài sản dài hạn	914	969	912	949	1,039
Phải thu dài hạn	78.9	72.6	0.06	0	0
Tài sản cố định	686	556	555	538	531
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.15	92.9	103	147	238
Đầu tư tài chính dài hạn	85.8	161	161	161	161
Tài sản dài hạn khác	62.8	85.4	92.7	103	108
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	183	117	144	236	266
Nợ ngắn hạn	181	116	144	235	264
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.4	55.3	68.5	74.3	80.1
Phải trả người bán ngắn hạn	2.37	5.13	31.5	98.8	135
Nợ dài hạn	1.49	1.38	0.90	1.38	1.43
Vay và nợ thuê dài hạn	0.76	0.72	0.24	0.72	0.72
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,180	1,180	1,186	1,191	1,197
Vốn chủ sở hữu	1,180	1,180	1,186	1,191	1,197
Vốn điều lệ	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)